TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/DS-ST
Ngày: 17 - 8 - 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLST- DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964.
Địa chỉ: 276 Lê D, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1972
Địa chỉ: 237 Tăng Bạt H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 27-6-2023 và bản tự khai ngày 20-7-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Sau khi đáo hạn Ngân hàng cho bà Trần Thị T thì bà T có nợ bà số tiền 100.000.000 đồng, nên ngày 26/11/2020 bà T có viết cho bà một Giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2020, số tiền nợ 100.000.000 đồng, lãi do hai bên tự thoả thuận, thời hạn trả là 07 ngày kể từ ngày vay. Ngày 28/01/2021 bà T tiếp tục vay bà số tiền 6.500.000 đồng để đóng lãi Ngân hàng. Tổng cộng bà T nợ của bà

106.500.000 đồng. Quá thời hạn trả nợ mặc dù bà đã yêu cầu bà T trả nợ nhiều lần nhưng bà T không trả. Nay bà yêu cầu Toà án buộc bà T trả cho bà số tiền nợ gốc là 106.500.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện và quá trình hoà giải bà có yêu cầu Toà án buộc bà T phải trả tiền lãi của số tiền 106.500.000 đồng, tuy nhiên tại phiên toà bà T trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin bà N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này nên bà đồng ý, bà xin rút yêu cầu về phần nợ lãi, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 14-7-2023, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Sau khi nhờ bà N làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng xong thì bà có nợ bà N số tiền là 100.000.000 đồng nên ngày 26/11/2020 bà viết Giấy mượn tiền với nội dung vay bà N số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thoả thuận, thời hạn trả nợ là 07 ngày kể từ ngày viết giấy vay. Đến ngày 28/01/2021 bà T tiếp tục vay bà N số tiền 6.500.000 đồng để đóng lãi Ngân hàng như bà N trình bày là đúng sự thật. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà phải trả cho bà N số tiền 106.500.000 đồng thì bà đồng ý. Hiện nay bà đang gặp khó khăn nên bà xin bà N cho bà tiền nợ lãi. Khi nào bà đòi được tiền ông H thì sẽ trả toàn bộ số tiền 106.500.000 đồng cho bà N, chứ hiện nay bà không có tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N khởi kiện bị đơn bà Trần Thị T, địa chỉ: 237 Tăng Bạt H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét Giấy mượn tiền ngày 26/11/2020 và ngày 28/01/2021 giữa bà N và bà T là hợp đồng vay có lãi, có thời hạn, được giao kết hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, nhưng do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà N khởi kiện là có căn cứ. Từ khi vay cho đến nay bà T chưa trả cho bà N tiền số tiền 106.5000.000 đồng. Trong quá trình làm việc tại Toà án và tại phiên toà bà T thừa nhận còn nợ bà N số tiền 106.500.000 đồng nhưng hiện tại đang gặp khó khăn nên xin bà N tạo điều kiện cho bà khi nào bà lấy được tiền của ông H thì sẽ trả số tiền nợ này cho bà N và xin không trả tiền nợ lãi. Như vậy bà T có nợ bà N số tiền 106.500.000 đồng là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T

phải trả cho bà N số tiền 106.500.000 đồng theo quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nợ lãi: Tại phiên toà bà T xin bà N tiền nợ lãi, bà N đồng ý không yêu cầu bà T phải trả nợ lãi đối với số tiền còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà N, không xem xét, giải quyết về phần nợ lãi.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà T phải chịu 5.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà N tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N

Buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 106.500.000 đồng nợ gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị T phải chịu 5.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 3.994.678 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001003 ngày 29-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu